

**TAND HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2019/HS – ST;
Ngày: 15/7/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Huy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tu.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 69/2019/HSST ngày 31/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HPT ngày 08/7/2019 đối với bị cáo:

***HVT**, sinh năm: 1979 tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Trú tại: Thôn AH, xã AT, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Hoàng Văn Tuấn và con bà Nguyễn Thị Tý; Vợ là Nguyễn Thị Kim, con có hai con lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/4/2000, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân, (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích); Bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2019 đến nay, tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

+ Ông NQV, sinh năm: 1963.

Trú tại: Thôn PV, xã AK, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/7/2014, NQV – Sinh năm 1988, HKTT: Thôn PV, xã AK, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là con trai của ông NQV – Sinh năm 1963 bị Công an huyện Hoài Đức bắt giam vì hành vi Hiếp dâm. Ông V biết HVT – Sinh năm 1979, HKTT: thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội là cháu rể của bà Nguyễn Thị Nga - Sinh năm 1966 (vợ ông V) đang công tác tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng nên ông V tìm gặp T nhờ T lo giúp giảm nhẹ hình phạt thì T đồng ý. Sau đó, T bảo ông V đưa cho T số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) và hứa đến ngày 30/4/2014, V sẽ được tại ngoại. T nhận tiền của ông V nhưng không giúp ông V như đã hứa mà sử dụng toàn bộ số tiền trên vào việc chi tiêu cá nhân, ông V nhiều lần đến gặp T nhưng T không trả lời còn V trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử không được các cơ quan tố tụng cho tại ngoại. Ngày 30/9/2014, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm và tuyên phạt V 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Sau đó, V và người bị hại có đơn kháng cáo, gia đình ông V gặp T để đòi lại số tiền trên nhưng T nói với ông V là sẽ lo cho V được giảm án và yêu cầu ông V đưa thêm cho T số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) để T tiếp tục lo việc. Ông V đồng ý và giao cho T số tiền 80.000.000 đồng làm hai lần, lần thứ nhất số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tại một quán nước ở thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, lần thứ hai số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tại nhà ông V. Đến ngày 17/12/2014, Tòa án nhân dân TP. Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án và tuyên phạt V 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Thấy V không được giảm án như lời T hứa giúp nên ông V đã nhiều lần đến gặp T đòi lại số tiền đã đưa cho T nhưng T đều khất nợ. Ngày 18/9/2015, ông V gặp T để đòi tiền, T không có tiền trả nên ông V yêu cầu T viết giấy vay tiền. T viết giấy vay tiền với nội dung vay của ông V số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) và hẹn đến ngày 30/01/2016 (âm lịch) sẽ trả đủ tiền. Sau đó, ông V nhiều lần đến gặp T nhưng không gặp và T không trả tiền cho ông V. Ngày 15/11/2016, ông V có đơn tố giác T về hành vi: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) tờ giấy kích thước (29x20) cm, dòng kẻ ngang trên một trang đề “Giấy vay tiền” với nội dung: HVT – Sinh năm 1979 ở thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội có vay của ông V, bà Nga số tiền là 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) phần dưới nội dung có chữ ký của HVT do ông NQV giao nộp.

Tại bản Kết luận giám định số 4675/KLGD-PC54 ngày 09/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận: Chữ viết, chữ ký đứng tên HVT trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết, chữ ký đứng tên HVT trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2); Chữ viết phần nội dung và chữ ký mục “kế toán trưởng”, “người lập” trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M3) là chữ do cùng một người viết và ký ra.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận: T đã 03 (ba) lần nhận tiền của ông NQV để xin giảm nhẹ hình phạt cho NQV. Lần thứ nhất số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), T hứa hẹn “lo việc” cho V nhưng T không giúp ông V như đã hứa và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên. Sau khi ông V đòi tiền nhiều lần, T hứa hẹn và yêu cầu gia đình ông V tiếp tục đưa 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) làm hai lần để xin giảm nhẹ hình phạt cho V ở cấp phúc thẩm. T khai để xin giảm nhẹ hình phạt cho V, T gặp Hoàng Đình Thành (T không biết rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể) - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (là người quen của T thông qua các mối quan hệ xã hội từ năm 2011) có số điện thoại là 0982.416.161 nhờ Thành xin giảm án cho V. T giao số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) cho Thành không có giấy tờ, không có người chứng kiến.

Qua xác minh tại Phòng Tổ chức cán bộ - Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì từ năm 2011 đến nay, không có cán bộ, công chức nào tên là Hoàng Đình Thành công tác tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Xác minh tại Tập đoàn công nghệ viễn thông Viettel xác định chủ thuê bao số điện thoại 0982.416.161 là Hoàng Đình Thành – Sinh năm 1984, địa chỉ: Khu 2, lô 4, cạnh dẽt 8/3 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội. Xác minh tại Công an phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội thì Thành có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 13/612/50/5 La Thành, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội. Xác minh tại Công an phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP. Hà Nội thì không có công dân Hoàng Đình Thành cư trú tại địa chỉ nêu trên. Qua tra cứu tàng thư căn cước công dân thì Hoàng Đình Thành có nguyên quán ở Long Thành, Yên Thành, Nghệ An. Xác minh tại Công an huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An thì Thành đã cắt hộ khẩu khỏi địa phương từ năm 2011. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hoài Đức chưa đủ căn cứ để xử lý đối với Hoàng Đình Thành, tiếp tục điều tra xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoài Đức bị can HVT đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với lời khai người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ.

Tại Bản cáo trạng số 63/CT-VKSHĐ-HN ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội đã truy tố bị cáo HVT về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm e khoản 2, Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015); điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo HVT từ 42 đến 48 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo HVT phải thanh toán trả cho ông NQV số tiền 160.000.000 đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

- Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nội dung vụ án: HVT không có chức năng, nhiệm vụ trong việc giải quyết vụ án hình sự đối với bị cáo NQV, không có khả năng giúp V được tại ngoại hoặc được giảm án nhưng với mục đích là chiếm đoạt tài sản của gia đình ông NQV nên đã đưa thông tin sai lệch là T có khả năng giúp NQV được tại ngoại và giảm án để nhiều lần chiếm đoạt số tiền tổng cộng là: 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*) của gia đình ông NQV tại xã An Thượng, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội vào năm 2014.

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác của HVT đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước đều được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

[3]. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình đầy đủ.

[4]. Tại phiên toà, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình theo Bản cáo trạng và Lời luận tội của Viện kiểm sát. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo HVT phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại *điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; nay là điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017*. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức truy tố và kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017, xét xử bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

[5]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo bằng thủ đoạn gian dối gây lòng tin, mục đích để người khác có tài sản giao cho mình nhằm chiếm đoạt tài sản của họ là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương; tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Toà án xét xử nghiêm minh vụ án nhằm giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa tội phạm chung.

[6]. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, Ngày 02/6/2000, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân nay lại tiếp tục phạm tội, sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra điều. không có thái độ ăn năn hối cải thông qua việc chưa bồi thường cho bị hại. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

[7]. Bị cáo được hưởng tình tiết thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, xét thấy bị cáo không có đủ điều

kiện để được tự cải tạo ngoài môi trường xã hội bình thường mà cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo HVT từ 42 đến 48 tù là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn là phù hợp.

[10] Bị cáo HVT đang bị tạm giam, để đảm bảo việc thi hành án, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 109, 113, 119 và 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày (bốn mươi lăm ngày), kể từ ngày tuyên án.

[11] Xét thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 điều 174 Bộ luật hình sự.

[12]. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo HVT phải trả lại cho ông NQV số tiền 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

[13]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

[14]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **HVT** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **HVT 54** (năm mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/01/2019.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo HVT phải thanh toán trả cho ông NQV số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày án hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:*

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

** Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.*

Buộc bị cáo HVT phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự;*

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND.TP.Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Công an. H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Huy

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Huy

